

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo	: Sư phạm Địa lí
Mã ngành	: 7.140.219
Trình độ đào tạo	: Đại học

THANH HÓA, NĂM 2018

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Đại học sư phạm Địa lí

Trình độ: Đại học, mã số: 7140219

1. Thông tin chung về CTĐT:

- Trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Hồng Đức.
- Trường Đại học Hồng Đức được Trung tâm Kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học cấp quốc gia (2017); Tổ chức NQA và tổ chức BVQA đánh giá và công nhận QMS ISO 9001 (2007, 2013, 2017).
- Tên gọi của văn bằng: *Cử nhân Đại học sư phạm Địa lí*
- Tên CTĐT: *Đại học sư phạm Địa lí*

2. Tóm tắt mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

2.1. Mục tiêu đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân khoa học ngành Sư phạm Địa lý sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có các tri thức cơ bản về khoa học địa lý và giáo dục học để giảng dạy ở bậc Trung học phổ thông và Trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp và tiếp tục học tập nâng cao trình độ lên các bậc học cao hơn.

2.1.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức

- Vận dụng tốt kiến thức giáo dục đại cương vào việc dạy học địa lý các bậc học theo chương trình đào tạo.

- Sử dụng tốt các kiến thức cơ bản của khoa học địa lý phục vụ dạy học địa lý trong chương trình giáo dục Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và nghiên cứu khoa học phục vụ dạy học.

- Hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục. Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học và phương pháp giảng dạy bộ môn trong các hoạt động giảng dạy môn Địa lý và thành công trong nghề nghiệp;

b) Về kỹ năng

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục; xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp;

- Tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh trong dạy học địa lý đáp ứng với yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa mới.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh một cách khoa học và chính xác.

c) Thái độ

Yêu nước, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, quan tâm tới thực trạng môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

d) Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp dạy học địa lý ở bậc học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; có khả năng tự định hướng, thích nghi với nhu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Địa lý trong phạm vi nhất định.

2.2. Chuẩn đầu vào

- Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia
- Về tổ hợp xét tuyển: 4 tổ hợp bao gồm: Toán- Lý- Hóa; Văn- Sử- Địa; Văn - Toán- Địa; Văn – Địa - GDCN.

2.3. Chuẩn đầu ra

a) Kiến thức:

- Có khả năng sử dụng kiến thức giáo dục đại cương vào việc dạy học địa lý các bậc học theo chương trình đào tạo.
- Sử dụng tốt các kiến thức cơ bản của khoa học địa lý phục vụ dạy học địa lý trong chương trình giáo dục Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và nghiên cứu khoa học phục vụ dạy học.
- Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học và phương pháp giảng dạy bộ môn trong các hoạt động giảng dạy môn Địa lý và thành công trong nghề nghiệp.

b) Kỹ năng:

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục;
- Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục; xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp;
- Có khả năng tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh trong dạy học địa lý đáp ứng với yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa mới.
- Có khả năng tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh khoa học và chính xác.

c) Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có các năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp dạy học Địa lý ở bậc học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; có khả năng tự định hướng, thích nghi với nhu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Địa lý trong phạm vi nhất định.

d) Thái độ:

- Thái độ cầu thị, vượt khó hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; không ngừng hoàn thiện nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu mới của ngành đào tạo.

- Thái độ nghiêm túc trong công việc, chấp hành nội quy, quy chế và khả năng thích nghi với môi trường giáo dục đào tạo trong nhà trường;

- Yêu nghề, mến trẻ và quan hệ cộng đồng tốt; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, các hoạt động văn hoá, xã hội, từ thiện nhân đạo.

e) Tiếng Anh: Đạt trình độ bậc 3/6 (mức 3) Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

g) Công nghệ thông tin

- Khai thác Internet thành thạo phục vụ dạy học, sử dụng tốt các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản; thiết kế bài giảng điện tử địa lí phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Thiết kế, sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học địa lí.

2.4. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp của người tốt nghiệp

Có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ với nghề nghiệp:

a) Giảng dạy Địa lý tại các trường THCS, THPT, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước;

b) Nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu;

c) Chuyên viên và quản lí tại các bộ phận ở các trường học, các cơ sở quản lí giáo dục, các cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với chuyên môn;

d) Giảng dạy Địa lý tại các trường đại học, cao đẳng, sau khi học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau đại học trong và ngoài nước theo lĩnh vực Giáo dục học, chuyên ngành “ Phương pháp giảng dạy Địa lí” hoặc các chuyên ngành thuộc Khoa học Địa lí

- Có khả năng tiếp thu các khoa học công nghệ mới liên quan đến ngành đào tạo; tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những ví trí quản lý ở các cơ quan, doanh nghiệp.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo, khóa học

- Chương trình đào tạo ngành Đại học sư phạm Địa lí gồm 50 học phần (không kể GDTC và GDQP), nếu tính cả 2 HP thay thế KLTN là 51 học phần, tương đương 120 tín chỉ, trong đó có 40 học phần bắt buộc bằng 95 tín chỉ và 11 học phần thay thế/18 tự chọn bằng 25 tín chỉ, được phân bổ trong 08 học kỳ:

+ Kỳ 1: gồm 07 học phần (16 tín chỉ)

+ Kỳ 2: gồm 07 học phần (16 tín chỉ)

+ Kỳ 3: gồm 07 học phần (17 tín chỉ)

+ Kỳ 4: gồm 07 học phần (17 tín chỉ)

+ Kỳ 5: gồm 07 học phần (15 tín chỉ)

+ Kỳ 6: gồm 06 học phần (13 tín chỉ)

+ Kỳ 7: gồm 07 học phần (15 tín chỉ)

+ Kỳ 8: gồm 03 học phần (11 tín chỉ)

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 05 học phần (12 tín chỉ)

- Khối kiến thức khoa học Xã hội gồm 08 học phần (16 tín chỉ)
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức Khoa học Tự nhiên, Công nghệ TT gồm 01 học phần (02 tín chỉ)
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 3 học phần (10 tín chỉ)
- Khối kiến thức chung của ngành gồm 10 học phần (22 tín chỉ)
- Khối kiến thức chuyên sâu của ngành bao gồm 17 học phần (35 tín chỉ)
- Thực tập, kiến tập (5 tín chỉ)
- Khóa luận tốt nghiệp/ 3 học phần thay thế (6 tín chỉ)

4. Ma trận hồ sơ năng lực

4.1. Vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học

a) Các học phần với việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình.

STT	Hệ thống năng lực	Mô tả	Học phần đáp ứng
A. Nhóm năng lực chung			
1.	Phẩm chất chính trị, đạo đức	Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; thực hiện nghĩa vụ công dân;	[1], [2] Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin P1, P2 [3] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam [4] Tư tưởng HCM [5] Pháp luật đại cương [V] Giáo dục thể chất [VI] Giáo dục quốc phòng
2.	Đạo đức nghề nghiệp	Yêu nghề, gắn bó với nghề; chấp hành luật công chức, điều lệ, quy chế, quy định của nhà nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của người công chức; người Việt Nam khi làm việc với các tổ chức nước ngoài sống trung thực lành mạnh, là tấm gương tốt cho các công dân khác	[4] Tư tưởng Hồ Chí Minh [5] Pháp luật ĐC
3.	Giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội	- Biết gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp thể hiện ở sự cởi mở, tôn trọng chân thành, thiện chí trong giao tiếp ứng xử; - Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; - Biết hợp tác cùng chịu trách nhiệm và chia sẻ kinh nghiệm trong tư vấn và quản lý nhà nước.	[6] Cơ sở văn hóa Việt Nam [12] Kỹ năng giao tiếp [13] Xã hội học đại cương [18] Tâm lý học đại cương
4.	Ứng xử với đồng nghiệp	Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu dân giàu - nước mạnh – xã hội công bằng - dân	[4] Tư tưởng Hồ Chí Minh [19] Giáo dục học [6] Cơ sở văn hóa Việt Nam

		chủ - văn minh.	
5.	Năng lực tìm hiểu môi trường làm việc	Có phương pháp thu thập và xử lý thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào giải quyết các công việc liên quan đến công dân.	[8] Môi trường và con người [13] Xã hội học đại cương [9] Lịch sử văn minh thế giới
6.	Năng lực tổ chức, trình bày báo cáo; xây dựng văn bản	- Biết thiết kế một cuộc đánh giá trong lĩnh vực nghề nghiệp: Xác định mục đích và mục tiêu; xác định nội dung đánh giá; xây dựng các tiêu chí đánh giá; lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá; Biết xây dựng các loại văn bản đúng quy định.	[7] Phương pháp nghiên cứu khoa học [12] Kỹ thuật soạn thảo văn bản
7.	Năng lực sử dụng Ngoại ngữ	Đạt được trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3.2, theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.	[14][15][16] Tiếng Anh 1,2,3
8.	Năng lực sử dụng tin học	Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Office Word, Excel trong việc soạn thảo văn bản, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin, xử lý số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu; Có chứng chỉ tin học trình độ B theo qui định của Bộ CNTT&TT.	[17] Tin học [28] Hệ thống thông tin địa lí.

B. Nhóm năng lực nghề nghiệp

1.	Năng lực về giáo dục	Năng lực tìm hiểu cá nhân người học Năng lực tìm hiểu tập thể lớp Năng lực tìm hiểu môi trường nhà trường Năng lực tìm hiểu môi trường gia đình Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội Năng lực tổ chức và phát triển tập thể lớp Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi Năng lực đánh giá kết quả giáo dục Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp Năng lực tư vấn và tham vấn Năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường Năng lực xây dựng, quản lí và sử dụng	[18] Tâm lí học [19] Giáo dục học [20] Quản lý HCNN và QLGD [42] Phương pháp GD địa lý ở trường THCS [43] Phương pháp GD địa lý ở trường THPT [46] Áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong môn Địa lý ở trường phổ thông
----	----------------------	---	--

		hồ sơ giáo dục Năng lực đánh giá người dạy Năng lực đánh giá người học Năng lực giao tiếp: nghe, nói, diễn thuyết... bằng tiếng Việt. Kỹ năng viết, trình bày bảng; Kỹ năng sử dụng máy vi tính	
2.	Năng lực vận dụng kiến thức giáo dục đại cương trong dạy học và nghiên cứu Địa lí	Năng lực sử dụng thành thạo Tin học văn phòng; các kiến thức thuộc ngành khoa học tự nhiên; khoa học xã hội (Lịch sử, Văn hóa), ngoại ngữ,... Thông hiểu về lí thuyết nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương, thuyết minh nghiên cứu cho một đề tài. Viết bài báo chuyên ngành về khoa học Địa lí. Kỹ năng trình bày bài viết trong hội nghị, hội thảo khoa học	[21] Địa chất đại cương [22] Bản đồ học đại cương [23][24][25] Địa lý tự nhiên đại cương 1,2,3 [26][27] Địa lý KT-XH đại cương 1,2
3.	Năng lực sử dụng tri thức khoa học địa lí trong dạy học và nghiên cứu Địa lí	Thông hiểu, vận dụng, phân tích được các tri thức bản đồ, Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên Việt Nam, các tri thức Địa lý kinh tế- xã hội, Địa lý các châu lục, các quốc gia:	[31][32] Địa lý tự nhiên Việt Nam 1,2 [33][34][35] Địa lý KTXH Việt Nam 1,2,3 [36][37] Địa lý tự nhiên các lục địa 1,2 [38][39][40] Địa lý KTXH thế giới 1,2,3 [47] Nghiên cứu địa lý địa phương
4.	Năng lực sử dụng thành thạo các phương pháp, phương tiện trong dạy học và nghiên cứu Địa lí	Thông hiểu, phân tích, vận dụng được các phương pháp dạy học cơ bản, các phương pháp dạy học cụ thể; phương pháp dạy học tích cực; sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học.	[17] Tin học [28] Hệ thống thông tin địa lí. [41] Lý luận dạy học địa lý [42] Phương pháp GD địa lý ở trường THCS [43] Phương pháp GD địa lý ở trường THPT [46] Thiết kế bài giảng địa lý bằng các thiết bị dạy học hiện đại [50] Áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong môn Địa lý ở trường phổ thông

b) Năng lực đạt được của người học sau khi học học phần

TT	Tên học phần	Năng lực đạt được
1.	Những NLCB của Mác-Lênin ¹	Nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học

		để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.
2.	Những NLCB của Mác-Lênin 2	Nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
3.	Tư tưởng HCM	nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; vận dụng được lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.
4.	Đường lối CM của ĐCSVN	nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.
5.	Pháp luật đại cương	vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	trình bày, giảng giải được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam, những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng để phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay, nhận thức bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển, sự trường tồn của văn hoá dân tộc.
7.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Soạn thảo, hướng dẫn soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong hoạt động xã hội đồng thời có năng lực đánh giá các loại văn bản theo quy định của pháp luật hiện hành. Người học có năng lực đánh giá được tầm quan trọng của việc soạn thảo và ban hành văn bản.
8.	Tâm lý học	Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và

		THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...
9.	Giáo dục học	Sinh viên phân tích, tổng hợp được những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.
10.	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo	Sinh viên thực hiện và đánh giá được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.
11.	Phương pháp nghiên cứu khoa học Xã hội	Lựa chọn được đề tài khoa học phù hợp với khả năng nghiên cứu, xây dựng đề cương, thuyết minh nghiên cứu cho một đề tài khoa học, sử dụng các quan điểm, phương pháp nghiên cứu phù hợp, có kỹ năng tổ chức thành công việc thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, viết được đề cương bài báo chuyên ngành và có kỹ năng trình bày bài viết trong hội nghị, hội thảo khoa học.
12.	Môi trường và con người	Biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.
13.	Lịch sử văn minh thế giới	Sinh viên có thái độ trân trọng, giữ gìn những thành tựu và di sản vô giá của văn minh nhân loại; có quan điểm khoa học và nhân văn trong đánh giá những giá trị của các nền văn minh này
14.	Hán nôm cơ sở	SV có kỹ năng phân biệt các cách đọc âm khác nhau trong chữ Nôm, kỹ năng phân tích các kiểu mô thức cấu trúc của chữ Nôm để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản chữ Nôm.
15.	Tiếng Anh 1	Đạt được tiếng Anh bậc 2. 2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.

16.	Tiếng Anh 2	Đạt được tiếng Anh bậc 3.1 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.
17.	Tiếng Anh 3	Đạt được tiếng Anh bậc 3.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ... Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.
18.	Tin học	Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.
19.	Kinh tế và phát triển	Phân tích, đánh giá được mức tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương, khu vực trên một số lĩnh vực tiêu biểu; vận dụng kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với công bằng xã hội.
20.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Sinh viên soạn thảo và phân tích được các loại văn bản hành chính thông dụng.
21.	Thống kê xã hội	SV tính toán, phân tích, thống kê, tổng hợp, khái quát hóa được các mẫu đo cơ bản; vận dụng chúng vào giải quyết các vấn đề học tập và đời sống, xã hội.
22.	Địa chất đại cương	Sinh viên đọc được bản đồ địa chất phục vụ dạy học, nhận biết các loại đá chính: trầm tích, mắc ma, biến chất, nhận biết các quá trình địa chất (các quá trình địa chất nội lực và các quá trình địa chất ngoại lực) trên thực địa.
23.	Bản đồ học đại cương	Sinh viên phân biệt các dạng lưới chiếu hình bản đồ, phương pháp biểu hiện bản đồ, sử dụng bản đồ để xác định, so sánh, phân tích định tính và định lượng một số đặc điểm địa lý trên bản đồ (địa hình, sông ngòi, khí hậu, phân bố sản xuất các ngành, trung tâm kinh tế...)
24.	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Sinh viên xác định được vị trí, hình dạng, kích thước,

		chuyển động của Trái Đất, cấu tạo của Trái Đất; nhận biết đặc điểm các dạng địa hình cơ bản; xác lập mối quan hệ giữa vị trí, hình dạng, kích thước, chuyển động ... của Trái Đất với sự hình thành và phát triển sự sống trên Trái Đất.
25.	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Sinh viên đọc và phân tích được sơ đồ cấu trúc của khí quyển, thủy quyển, nhận thức vai trò của chúng tới sự sống trên Trái Đất; xác lập mối quan hệ giữa vị trí, hình dạng, kích thước, của Trái Đất với sự hình thành và phát triển lớp vỏ khí, thủy quyển; phân tích mối quan hệ giữa địa hình với khí hậu, khí quyển với thủy quyển, với sự sống trên Trái Đất
26.	Địa lý tự nhiên đại cương 3	Sinh viên sử dụng được bản đồ thổ nhưỡng, sinh quyển xác định các dạng thổ nhưỡng, sinh vật cơ bản trên Trái Đất; xác định các lớp vỏ cảnh quan cơ bản trên Trái Đất trên bản đồ; vận dụng các quy luật địa lí trong việc giải thích sự phân bố địa đới, phi địa đới sự phân bố của thổ nhưỡng, sinh vật, cảnh quan.
27.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	Sinh viên sử dụng được bản đồ địa lí chung, bản đồ chuyên đề để xác định, phân tích, đánh giá đặc điểm nổi bật của địa lý dân cư, tài nguyên và môi trường... Đọc và phân tích các dạng số liệu, biểu đồ cơ bản về địa lý dân cư, tài nguyên và môi trường...
28.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	Sinh viên sử dụng được bản đồ địa lí chung, bản đồ chuyên đề để xác định, phân tích, đánh giá đặc điểm nổi bật của địa lý các ngành, vùng kinh tế ... Đọc và phân tích các dạng số liệu, biểu đồ cơ bản về địa lý các ngành, các vùng kinh tế.
29.	Hệ thống thông tin Địa lí/	Sinh viên có kỹ năng sử dụng một số phần mềm của hệ thống tin địa lí (Mapinfo, Arcview) để xây dựng cơ sở dữ liệu, thành thạo các bước, kỹ năng thành lập bản đồ (bản đồ giáo khoa), sử dụng bản đồ được xây dựng cho mục đích nghiên cứu khoa học và dạy học
30.	Giáo dục tài nguyên và môi trường biển, hải đảo Việt Nam	Sinh viên xác định được trên bản đồ, hình vẽ phạm vi 5 bộ phận của vùng biển nước ta, phân biệt chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán ở các bộ phận của vùng biển; sử dụng bản đồ phân tích, đánh giá tài nguyên, môi trường biển, hải đảo nước ta và một số hoạt động kinh tế biển
31.	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	Sinh viên nhận biết, giải thích và mô tả được các kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và biểu hiện của toàn cầu hóa,

		khu vực hóa trên thế giới, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân số và nguồn nhân lực Việt Nam; văn hóa các dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đánh giá được lợi thế và hạn chế của Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa. Có khả năng vận dụng các kiến thức về quá trình hội nhập phát triển kinh tế của Việt Nam vào nghiên cứu những vấn đề địa lí của địa phương
32.	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	Sinh viên có kỹ năng đọc bản đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan tự nhiên Việt Nam; kỹ năng đọc lát cắt địa lí tự nhiên Việt Nam; kỹ năng phân tích tranh, ảnh biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, chế độ nước sông Việt Nam; giải thích các đặc điểm cơ bản về khái quát địa lí tự nhiên Việt Nam và vận dụng trong dạy học ở trường phổ thông.
33.	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	Sinh viên có kỹ năng đọc bản đồ, lát cắt các miền địa lí tự nhiên Việt Nam, phân tích tranh, ảnh về các miền địa lí tự nhiên Việt Nam, phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, chế độ nước sông một số địa điểm đặc trưng cho các miền địa lí tự nhiên Việt Nam, giải thích các đặc điểm cơ bản về mỗi miền địa lí tự nhiên Việt Nam và vận dụng trong dạy học ở trường phổ thông
34.	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	Sinh viên phân tích, đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế-xã hội về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, lao động, môi trường phát triển kinh tế-XH. Đọc và phân tích bản đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam.
35.	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	Sinh viên phân tích được các đặc điểm nổi bật địa lí các ngành kinh tế và rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, biểu đồ kinh tế các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.
36.	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 3	Sinh viên nhận biết và giải thích được đặc điểm kinh tế nổi bật của từng vùng; đọc bản đồ, vẽ và phân tích biểu đồ rèn luyện các kỹ năng địa lí, kỹ năng khai thác kiến thức địa lí các vùng từ các kiến thức cụ thể.
37.	Địa lí tự nhiên lục địa 1	Sinh viên phân tích, giải thích được các đặc điểm nổi bật về địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, thổ nhưỡng, cảnh quan của các lục địa này; rèn luyện các kỹ năng bản đồ, đọc tranh, ảnh, phân tích biểu đồ: địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của từng

		lục địa, tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên nổi bật các lục địa; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa...) một số địa điểm ở các lục địa
38.	Địa lí tự nhiên lục địa 2	Sinh viên phân tích và giải thích được các đặc điểm nổi bật về địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, thổ nhưỡng, cảnh quan của các lục địa này; rèn luyện các kỹ năng bản đồ, đọc tranh, ảnh, phân tích biểu đồ cho người học: bản đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của từng lục địa, tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên nổi bật các lục địa; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa...) một số địa điểm ở các lục địa.
39.	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 1	Sinh viên phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Á; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế, XH
40.	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 2	Sinh viên phân tích được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Âu, châu Đại dương; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế, xã hội
41.	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 3	Sinh viên phân tích được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế, xã hội
42.	Lý luận dạy học địa lí	Sinh viên sử dụng được phương pháp, phương tiện dạy học địa lí phát triển năng lực người học; tổ chức được các hình thức tổ chức dạy học hợp lí và có phương pháp

		đánh giá khách quan kết quả học tập của học sinh.
43.	Phương pháp dạy học địa lý ở trường THCS	Sinh viên lập được kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức dạy học: lớp, nhóm, VNEN, cá nhân; kỹ thuật tốt trong thực hiện tiến trình bày dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kỹ năng, thái độ.
44.	Phương pháp dạy học địa lý ở trường THPT	Sinh viên vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức dạy học: lớp, nhóm, VNEN, cá nhân; có kỹ thuật trong thực hiện tiến trình bày dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kỹ năng, thái độ.
45.	Thực tế chuyên môn 1	Sinh viên mô tả được những đặc điểm địa chất-địa hình khu vực Yên Tử- TP.Hà Long-TP, Lạng Sơn; sử dụng trong dạy học giải thích sự hình thành địa hình đá vôi khu vực đông Bắc, một số dạng địa hình, khoáng sản, tài nguyên được hình thành ở khu vực này, tài nguyên di sản thiên nhiên thế giới-Vịnh Hạ Long.
46.	Thực tế chuyên môn 2	Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức địa lý từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lý kinh tế-xã hội.
47.	Thiết kế bài giảng địa lý bằng các thiết bị dạy học hiện đại	Sinh viên có các kỹ thuật sử dụng power point để thiết kế và trình bày một bài giảng địa lý; xử lý số liệu bằng những công thức thông dụng trên excel; vẽ các biểu đồ địa lý dạng miền, cột đường, đường, có số năm không đều, tháp tuổi....sử dụng một số phần mềm công cụ để sửa ảnh, viết chữ vào hình ảnh; cắt ghép chuyển định dạng video phục vụ dạy học; xây dựng và sử dụng phần mềm thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho dạy học địa lý
48.	Nghiên cứu và giảng dạy địa lý địa phương	Sinh viên điều tra, thu thập được nguồn tài liệu về địa lý cấp tỉnh, huyện, xã; lựa chọn các kiến thức địa lý địa phương phù hợp với chương trình lớp học, cấp học, tích hợp kiến thức địa lý địa phương trong dạy học địa lý THCS và THPT.
49.	Kiến tập sư phạm	Sinh viên tìm hiểu được môi trường xã hội, môi trường giáo dục nhà trường, môi trường gia đình học sinh; soạn giáo án lên lớp theo quy định, sử dụng được các PPDH, PTDH phù hợp; dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cùng tổ bộ môn của trường theo hướng dẫn và tiến hành giảng tập

		khoảng 1, 2 tiết.
50.	Thực tập sư phạm	Sinh viên thực hành công tác GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, tổ chức được một số hoạt động thanh niên trong trường phổ thông làm quen với việc tổ chức các hoạt động xã hội; soạn giáo án lên lớp theo quy định, sử dụng được các PPDH, PTDH phù hợp; dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cùng tổ bộ môn của trường theo hướng dẫn; thực hành giảng tập giảng 8 tiết.
51.	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên hoàn thiện được các bước chuẩn bị nghiên cứu: xây dựng đề cương, lập kế hoạch để được phê duyệt; tổ chức tiến hành nghiên cứu đề tài được phê duyệt: có quan điểm, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài, thu thập xử lý nguồn tài liệu... hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp đúng thời gian và đúng quy định; vận dụng kết quả nghiên cứu (về cả phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu) vào dạy học địa lí.
52.	Một số vấn đề về địa lý tự nhiên đại cương và địa lý tự nhiên Việt Nam	Sinh viên cập nhật và vận dụng được những kiến thức, thông tin mới về khoa học địa lí về Địa lí Việt Nam vào dạy học địa lí phổ thông; phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh về một số vấn đề địa lí đại cương và địa lí Việt Nam
53.	Một số vấn đề về địa lý kinh tế - xã hội	Sinh viên phân tích được đặc điểm cơ bản nhất của địa lý học qua các thời kỳ lịch sử. Nắm vững những nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý, những quy luật địa lý trong việc xây dựng mô hình không gian địa lý hoàn chỉnh của một đối tượng nghiên cứu. Sinh viên có kĩ năng vẽ, sơ đồ hóa, mô hình hóa không gian địa lý hoàn chỉnh; biết xử lý dữ liệu, xây dựng bản đồ, sử dụng hệ thống thông tin địa lý; biết vận dụng những quy luật, nguyên tắc trong phân vùng địa lý vào biết nhận định, so sánh các vấn đề địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội. SV quan tâm tích cực tới việc trau dồi kiến thức, hiểu biết về địa lý học; bồi dưỡng ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường.
54.	Áp dụng dạy học phát triển năng lực người học theo định hướng nghề nghiệp trong môn Địa lý ở trường phổ thông	Sinh viên thiết kế được một số bài dạy địa lí bằng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực người học theo định hướng nghề nghiệp; xây dựng một số câu hỏi trắc nghiệm, bài tập địa lí nhằm đánh giá năng lực học sinh; thực hành bài giảng với các thiết kế bài dạy và hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, bài tập địa lí đã soạn.

4.2. Các luận giải:

a) Sự hình thành và sự cần thiết phải đưa các học phần đã xây dựng

- Căn cứ vào Quyết định số 1982/QĐ-TTG ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Căn cứ vào Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức, Ban hành theo Quyết định số 1270 /QĐ-ĐHĐ ngày..09/8/2017 của Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức

- Căn cứ vào Quyết định số 2899/QĐ-ĐHĐ ngày 25 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ĐHSP Địa lí theo hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học

- Tham khảo CTĐT của các trường trong nước và nước ngoài

Chuẩn đầu ra được chuyển tải vào CTĐT và các môn học một cách hệ thống, cụ thể và đầy đủ.

b) Cấu trúc chương trình: Đảm bảo tính hệ thống, logic, liên thông theo nhóm ngành, khối ngành nhưng cũng đảm bảo kiến thức chuyên sâu theo ngành đào tạo. Gồm khối kiến thức GD đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Việc sắp xếp các học phần theo các khối kiến thức vừa đảm bảo tính tiên quyết vừa đảm bảo tính logic trong toàn bộ hệ thống các HP của CTĐT.

c) CTĐT xây dựng đã đáp ứng các tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đại học vì:

- Đảm bảo khung năng lực chuẩn đầu ra;

- Đảm bảo về mục tiêu;

- Đảm bảo về nội dung CTĐT theo nhóm ngành, khối ngành và ngành đào tạo;

- Đảm bảo đầy đủ tài liệu tham khảo.

5. Các phụ lục

5.1. Bản CTĐT được phê duyệt (theo Quyết định số 2899/QĐ-ĐHĐ ngày 25/11/2016);

5.2. Bộ Đề cương chi tiết các học phần

5.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Tổng hợp góp ý về chuẩn đầu ra, Phiếu góp ý chuẩn đầu ra của các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, nhà khoa học, người tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên);

5.4. Hồ sơ xây dựng CTĐT (Bản tổng hợp góp ý về CTĐT, Phiếu góp ý về CTĐT của các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, nhà khoa học, người tốt nghiệp, giảng viên, sinh viên);

5.5. Hồ sơ tham khảo các CTĐT tiên tiến (Báo cáo tổng hợp về việc tham khảo các CTĐT tiên tiến vào xây dựng CTĐT, minh chứng CTĐT tiên tiến đã tham khảo (đường dẫn, bản copy,...)).

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 10 năm 2018

ĐƠN VỊ MÔ TẢ CTĐT



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai

Thanh Hóa
Đào Thanh Xuân

